

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 18 (Phần Đầu)

BẢN LUẬN QUYỂN 64

Đoạn lớn thứ bảy, quyết định lựa chọn địa Văn, Tư (Địa Quyết Trạch Văn, Tư). Văn, có một quyển, trong đó, ban đầu, là kết trước, sinh sau; kế là, chính là nói; sau, kết giải thích không hiện.

- Văn trong chính là nói được chia làm năm:

I. Giải thích quy y.

II. Giải thích về sự khác nhau giữa Sa-môn, và Bà-la-môn.

III. Giải thích ba cầu.

IV. Giải thích về nội minh.

V. Nghĩa của Tập Quyết Trạch văn tuệ địa, có mười bốn câu.

- Trong phần đầu có ba:

A/ Nói về năm chỗ quán sát đối tượng quy, chỉ quán Phật bảo.

B/ Hỏi, đáp để giải thích.

C/ Dùng sáu tướng Tam bảo khác nhau.

Trong phần đầu, ý nói là chín mươi sáu thứ đạo, mỗi đạo đều có chỗ trở về, nên quán đối tượng quy. Vì có năm nghĩa, nên xứng đáng quy y.

Đức Phật đã như thế, pháp Phật và các đệ tử cũng đáng quy y. Pháp vô thượng, tức là lực, vô úy v.v....

Y cứ trong phần hỏi, đáp, trước là đặt ra năm câu hỏi:

1. Hỏi về số đầu của đối tượng quy?

2. Hỏi về đối tượng quy, vì sao chỉ có ba, không thêm không bớt?

3. “Ngang với thế nguyện nào mà nói là chủ thể quy y?”

4. Hỏi về hạnh năng quy?

5. Hỏi về quy y được công đức gì?

Đáp câu hỏi đầu, rất dễ hiểu. Trong phần đáp câu hỏi thứ hai, tánh điều phục thiện, nghĩa là phiền não đã hết, tập khí cũng dứt rừ. Như người luyện vàng điều luyện rất khéo.

2/- Dùng phương tiện khéo léo đối với tất cả đối tượng điều phục. Nghĩa là vì khéo nhận biết căn cơ của chúng sinh, nên có phương tiện khéo léo đối với đối tượng điều phục, vì cho thuốc thích ứng với chứng bệnh, nên chủ thể điều phục có phương tiện giỏi khéo.

3/ Có tâm Đại bi trong suốt thời gian dài, thường vì chúng sinh mà không có mỗi mệt.

4/ Cúng dường tài vật, chưa phải làm điều thiện, vì khởi hạnh cúng dường mới hoan hỷ.

Đáp câu hỏi thứ ba, thể của chủ thể quy y lấy năm uẩn làm tánh. Bà-sa cũng nói là thể của chủ thể quy y, có thuyết nói là ngữ nghiệp, có thuyết nói là khởi tâm, ngữ nghiệp.”

Bình luận: “Quy y là tánh của năm uẩn, vì quy y là môn thọ luật nghi.

Nói bốn duyên:

1- Biết quy y, sinh công đức lớn.

2- Biết tà, đối tượng quy y có chánh khác nhau.

3- Tự thệ nguyện: Từ hôm nay, cho đến mai sau bỏ tà về chánh.

4- Ngoài Phật ra, không có Đại sư nào khác.

Đáp câu hỏi tư, có bốn hạnh của hai thứ, như văn. Đáp câu hỏi thứ năm về công đức của quy y:

1. Do quy y, có thể thọ luật nghi.

2. Do vâng giữ luật nghi, nên tâm hoan hỷ, cho nên thứ hai, được đại hoan hỷ. Do hoan hỷ, nên lần lượt sẽ được định, vì thế, thứ ba là được Tam-ma-địa. Do định phát tuệ, dứt “hoặc”, được thanh tịnh, cho nên, thứ tư, là được đại thanh tịnh.

Lại được bốn đức:

1. Đại hộ viên mãn, do thọ quy y. Được Tam Bảo che chở, gọi là Hộ viên mãn.

2. Khiến cho niềm tin bất chính của tâm mình trở nên mỏng nhẹ.

3. Nhập vào số chúng thông minh.

4. Giúp cho đức tin được thanh tịnh, các vị trời đều vui mừng.

Thứ ba, trong dùng sáu tướng để nói về sự khác nhau, nên lấy tướng khác tùy niệm Phật Bảo v.v.... Pháp sư Cảnh nói: “Phật là bậc tri thức chân thiện y vương, bậc đạo sư vượt qua biển khổ, bạn lành tên con đường đầy nguy hiểm.

Pháp là vị thuốc hay. Lại dụ cho nhờ vào chiếc thuyền mà thoát qua dòng khổ, lên bờ vô úy.

Tăng, như người khám bệnh, bảo cho phương thuốc thoát khỏi đau

khổ. Lại, dụ cho ruộng tốt, ứng cúng của người, trời.”

Pháp sư Thái, Pháp sư Cơ đồng nói: “Phật do niệm tướng riêng, tức tất cả công đức như mười lực, bốn vô úy v.v..., là niệm Phật Bảo.

Do diệt hết, lia dục, được tướng Niết-bàn vô dư, là niệm Pháp Bảo.

Do tướng công đức vô tránh v.v..., là niệm Tăng Bảo. Còn lại tức Tam Bảo đối với nhau là còn lại. Nghĩa là ngoài pháp, tăng, tướng còn lại là Phật Bảo.

Niệm danh hiệu Phật khác nhau như thế: còn lại nghĩa là Thế tôn v.v..., đây là phát ra tướng còn lại như Phật Bảo v.v... ”.

Thứ hai, trong giải thích về sự khác nhau giữa Sa-môn, Bà-la-môn. Lại, Bà-la-môn đã có giới pháp tùy thọ giới nào? Tùy thuộc chi phần nào? Tùy sự khác nhau của họ mà khai, cho, dứt v.v.... Cho nên về sự thấp kém, vẫn còn lại rất dễ hiểu.

Thứ ba, trong giải thích về ba cầu:

Cầu dục: Cảnh năm dục, có năm:

1. Cầu nhiếp thọ, cho đến năm gọi là cầu thanh, nghĩa là như vợ, con vì nhiếp thọ nên cầu. Như cửa, gạo vì thọ dụng nên cầu. Như nhạc cụ, vì vui đùa, nên cầu. Ba sự mong cầu này rất dễ hiểu.

4/ Cầu thiếu hiểu rõ, nghĩa là vì thiếu hiểu rõ, nên cầu hiểu biết, gọi là cầu thanh, nghĩa là cầu tiếng tăm. Có đến cũng có năm v.v... : Pháp sư Cảnh nói: “ 1- Cầu pháp nhĩ, tức nhậm vận cầu thân cõi trên, cũng có thể lia dục pháp nhĩ vào cuối kiếp, cầu có thân cõi trên.

2- Cầu kỳ nguyện, tác ý nguyện cầu, cũng có thể trừ thời kỳ cuối kiếp, cầu nguyện lia dục sinh lên cõi trên.

3- Cầu ngu si, nghĩa là không hiểu rõ địa trên là pháp vô thường, nên mong cầu có thân cõi trên.

4- Cầu nhàm chán tai họa, chán cõi dưới, cầu cõi trên.

5- Cầu xét chọn, xét chọn Địa trên, lia uế nhiễm của địa dưới, nên cầu địa trên.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Cầu “hữu”, tức là cầu thân ba cõi, không đồng với Tiểu thừa.

1. Cầu pháp nhĩ, nghĩa là chúng sinh vào cuối kiếp, cầu pháp nhĩ sinh lên cõi trên.

Luận sư Đại nghĩa nói: “Tức pháp nhĩ, tất cả chúng sinh cầu thân “hữu” đời sau.

2. Cầu kỳ nguyện nghĩa là mong cầu sinh lên cõi kia, được cõi kia v.v....

3. Cầu ngu si, nghĩa là ngoại đạo v.v..., vì chấp cõi trên là Niết-bàn nên cầu.”

Luận sư Đại nghĩa nói: “Vì ngu si nên cầu sinh lên cõi trên.”

4. Cầu nhằm chán tai họa, vì tai họa của cõi dưới.”

Luận sư Đại nghĩa nói: “Nhằm chán thân này, cầu thân sau.”

Cầu tư duy lựa chọn, nghĩa là người có trí tuệ, cầu sinh lên cõi trên, không chấp là Niết-bàn.”

Luận sư Đại nghĩa nói: “Tư duy lựa chọn chỗ đáng sinh mà cầu sinh.”

Cầu phạm hạnh có năm v.v.... Pháp sư Cảnh nói:

1. Cầu chỉ cầu, tức chỉ khởi tâm cầu Niết-bàn, không tu phạm hạnh.

2. Cầu thú hưởng chứng đắc, là thú hưởng Niết-bàn, thô tu phạm hạnh.

3. Cầu hiện chứng đắc, nghĩa là cầu Niết-bàn hiện tại mà tu phạm hạnh.

4. Cầu chứng đắc về sau: Cầu Niết-bàn ở đương lai, mà tu phạm hạnh.

5. Cầu tư duy lựa chọn, nghĩa là mỗi thứ tư duy lựa chọn mà tu phạm hạnh, đây là có cả tà, chánh.

Lại có sự khác nhau: nghĩa khác nhau từ cầu phạm hạnh, nghĩa là người cầu giả danh, đó là ngoại đạo.

Cầu đệ nhất nghĩa, nghĩa là đệ tử của pháp Phật. Cầu không có phương tiện, nghĩa là giải thích về cầu giả danh. Cầu có phương tiện, nghĩa là giải thích về cầu nghĩa đệ nhất.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Cầu chỉ cầu, nghĩa là người muốn tu phạm hạnh.”

Luận sư Đại nghĩa nói: “Tướng chung là cầu phạm hạnh”, Lại chỉ tâm có cầu, chưa năng phát thú hưởng, vì phạm hạnh khó cầu, nên chưa thể tu hành.”

Cầu hưởng đến chứng đắc, nghĩa là khởi tu hành, do đó gọi là thú hưởng chứng đắc.

Luận sư Đại nghĩa nói: “Cầu riêng một việc, gọi là cầu hưởng đến chứng đắc, nên cầu.

Cầu hiện được, nghĩa là cầu tu phạm hạnh, hiện được quả. Cầu được về sau, là cầu sẽ được quả sau.

Cầu tư duy lựa chọn, nghĩa là người có trí cầu chứng được Niết-bàn mà tu phạm hạnh v.v....

Cầu phạm hạnh, vì dùng nhân của đạo, nên lại có cầu đệ nhất nghĩa giả danh trong khác nhau.

Luận sư Đại nghĩa nói: “Cầu giả danh là một, tức ngoại đạo v.v.... Cầu đệ nhất nghĩa là một, nghĩa là phạm hạnh tà giả nếu cầu đệ nhất nghĩa, thì chính là phi phạm hạnh.

Cầu quán sát, nghĩa là phạm hạnh chân thật, vì quán sát pháp đáng bỏ, đáng ưa thích nên cầu.

Cầu không có phương tiện, nghĩa là cầu giải thoát tà. Cầu có phương tiện, nghĩa là cầu giải thoát chân thật.

Thứ tư trong giải thích về nội minh, văn được chia làm hai:

1/ Nêu chung, trước là nói lược, nêu lên nội minh là hơn. Sau nói rộng để giải thích kinh. Do môn sáu lý, nên tùy quyết định rõ.

Trong phần trước, nói là do bốn nghĩa, nên đối với xứ các minh, nội minh là hơn:

1) Vì gồm thu bốn đế.

2) Tức nghĩa của bốn đế, chẳng bị ngoại đạo hàng phục.

3) Tức nghĩa bốn đế, vì Noãn v.v... dễ hiểu.

4) Đã nhập đế lý, vì tám chánh không hư hoại, hoặc bốn niềm Tin không hư hoại, thanh tịnh.

Thứ hai, trong phần nói rộng về môn lý, văn chia làm hai: Trước lược nêu, sau giải thích rộng.

Trong phần trước, ban đầu là nêu chung, kế là chia riêng. Sau nói về danh, nghĩa.

Trong phần chia riêng, trước là nêu môn lý có sáu. Sau giải thích rộng.

Y cứ văn trong giải thích rộng, được chia làm ba:

Theo thứ lớp giải thích riêng về sáu thứ môn lý. Kế giải thích ba môn trước do ba môn sau, nên tùy theo quyết định rõ. Sau, là hỏi, đáp để chọn lựa.

Trong phần đầu chia làm sáu:

1. Giải thích về môn lý chân nghĩa. Pháp sư Thái rằng: “Nói thế tục chứng đắc. Nghĩa là an lập quả Dư lưu v.v....

Chỗ sở y kia, bốn quả là đối tượng chứng của người; bốn đế là thế tục chứng đắc.

Nói “Lại nữa, an lập, cho đến “Cho nên giả lập”, nói là Thắng nghĩa đế, nay là giả an lập. Do nghĩa đế này không thể an lập thắng và không thắng, chỉ vì thuận theo chúng sinh mà phát sinh tri chứng Thắng nghĩa này. Cho nên, giả lập danh từ Thắng nghĩa đế.’

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đại nghĩa: “hoặc ba lớp tục đế, hoặc bốn lớp tục đế, đây là môn hai đế, nghĩa là tục đế có bốn; Thắng nghĩa cũng thế. Trong thế tục:

- 1- Giả danh vô thật đế.
- 2- Tùy sự sai khác đế.
- 3- Chứng đắc an lập đế.
- 4- Giả danh vô tác đế.

Nghĩa là giả an lập, gọi là Thắng nghĩa đế, mà không có thể của pháp, vì thể của pháp là không thể nói. Theo văn này thì chỉ có bốn lớp tục đế, không có Thắng nghĩa đế. Trước kia lập ba lớp, vì có pháp nghĩ định thích nghi. Sau này lập bốn, nghĩa là vì giả gọi là an lập. Phương Tây có lập bốn lớp thắng nghĩa, sự đối nhau cũng vậy.

1. Thắng nghĩa đế thế tục, tức thể là đạo lý thế tục, ở trước là thế tục đế vượt hơn thế tục, nên gọi là thắng nghĩa. Vì lập ra pháp y tha tánh v.v... của nhân, quả khác nhau, nên gọi là thế tục.

2. Thắng nghĩa đế của đạo lý, tức thể là thế tục chứng đắc ở trước, vì có nghĩa được quả dứt trừ “hoặc”, nên gọi là đạo lý. Vì vượt qua đạo lý ở trước, nên gọi là Thắng nghĩa.

3. Địa vị Thập v.v... địa hạnh là thắng nghĩa chứng đắc, tức thể là thắng nghĩa của thế tục ở trước, do an lập mà được tên gọi, gọi là thắng nghĩa, có thể có nghĩa chứng đắc, vì vượt hơn thế tục chứng đắc trước, nên gọi là thắng nghĩa.

4. Thắng nghĩa của thắng nghĩa, tức là phi an lập đế, vì thể chân như là pháp không thể an lập, nên gọi là thắng nghĩa, vì vượt qua thắng nghĩa của thắng nghĩa thế tục ở trước, nên gọi là thắng nghĩa.

Thứ hai, là giải thích môn chứng đắc lý. Pháp sư Thái nói: Trí chứng đắc, nghĩa là chín Trí giả. Trí tha tâm là quán khắp chốn, vì tu riêng công đức, nên chẳng phải trí chứng.

Nói chứng đắc của Độc giác thừa có hai:

1) Trước đã được thiện căn quyết trạch phần của Thanh văn. Lúc đắc quả, không có thầy, một mình giác ngộ.

2) Trước đã được kiến đạo, gọi là chứng đắc của chứng đắc. Khi trước, nhân đức Phật vì nói Bốn đế, được nhập kiến đạo, thành tựu Dư lưu. Về sau, khi chứng đắc quả thứ tư, không có thầy, giác ngộ một mình. Hai người trước này, trước là Thanh văn. Về sau tự giác ngộ một mình, không có thầy, gọi là Độc thắng, là chúng Xuất Bích chi. Sau cùng, dụ như Lâm Giác, xuất hiện một mình.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Hai người trước trong ba người Độc giác,

trở thành xuất chúng, vì trước đó đã được Noãn v.v... của Thanh văn. Khi chứng quả, vì ngăn ngừa không thể tu tập trong nhiều thời gian nên thành xuất chúng, nếu chưa quyết định sinh thời gian ít trong Quyết Trạch phần, tức nhập kiến đạo, ở vị Quyết trạch phần hồi tâm trở thành Độc giác. Và người chưa được thiện của Quyết trạch phần, mà hồi tâm cũng thế, vì còn phải trải qua thời gian dài để tu tập, rèn luyện căn cơ nhạy bén. Ở đây đều gọi là chứng đắc của chưa chứng đắc.

Trong đây nói chứng đắc, tức thiện của quyết trạch phần, gọi là chứng đắc. Vì đã chứng đắc chân vô lậu, nên kiến đạo v.v..., tức là chứng đắc của chứng đắc. Như người chưa đắc quả, gọi là chưa chứng đắc của chứng đắc, lại nói là chưa đắc quả.

Thứ ba, là hoàn toàn ở phần vị giải thoát, cho nên khác với hai phần trước. Trong giải thích môn lý giáo đạo, trước, nói lược về ba xứ; sau nói rộng về mười hai.

Trong phần trước nói Ma-đát-lý-ca, Hán dịch là Bản mẫu. Trong giáo này sinh ra các nghĩa là tướng mạo căn bản của các pháp, gọi là Bản mẫu. Mười bảy địa là Bản địa phần và bốn thứ nhiếp tức là bốn phần sau. Phật nói Tạng Ma-đát-lý-ca, lược nêu mười bảy địa và bốn thứ nhiếp làm môn Giáo đạo. Về sau Bồ-tát Di-lặc lại vì Ngài Vô Trước nói rộng ra. Lại, các Luận sư phương Tây còn giải thích rằng: “Di-lặc tức là Phật, nên đức Di-lặc vì Bồ-tát Vô Trước nói mười bảy địa và bốn thứ nhiếp, tức là Đức Phật nói Ma-đát-lý-ca.

Hai pháp nhiếp, nghĩa là hợp chung hai thứ trước, có mười thứ này, tức tạng và Bản mẫu. Mười thứ là:

1) Giáo đế tướng, tức nói tướng của bốn đế, hai đế: Biết khổ, dứt; Chứng Diệt, Tu đạo, bốn hợp với năm trên. Phẩm loại sai khác của bốn đế là thứ sáu. Sở y năng y là thứ bảy. Ở đây có hai giải thích.

1. Đối tượng nương tựa sở y, nghĩa là nhân, tức tập, đạo đế. Năng y (chủ thể nương tựa) nghĩa là quả, tức hai đế Khổ, Diệt.

Có chỗ giải thích: “Lý bốn đế là sở y (đối tượng nương tựa) Dựa vào lý này nói giáo, giáo là năng y, tức giáo tương xứng “năng thuyên” (chủ thể giải thích). “Sở duyên” (giáo lý thuyết giải).

Giáo thứ tám của pháp chương biến tri v.v... : Tức nói pháp chương của khổ đế, Tập đế.

Thuận với pháp là thứ chín: Tức là nói giáo của hai đế: Đạo, Diệt. Giáo thứ mười của công đức, lỗi lầm của Biến tri v.v..., không biến tri v.v..., nghĩa là nói chương Biến tri v.v... ở trước, gọi là không biến tri, tức là lỗi lầm. Trí nhãn biết khổ v.v... gọi là biến tri, tức là công đức.

Dưới đây, trong phần nói về mười hai giáo đạo, nói giáo không liễu nghĩa, nghĩa là Khế kinh, ứng Tụng, Biệt Ký v.v..., đây là y cứ ở pháp nói rộng môn giản lược, nói về liễu, bất liễu.

Giáo của Thế tục đế, nghĩa là tướng, gọi là phân biệt.

Giáo của thắng nghĩa đế, nghĩa là bốn Thánh đế và chân như. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trong đây không luận về chánh trí, vì là hữu vi, nên có thể là thế tục, vì là vô lậu như cảnh, nên gọi là Thắng nghĩa, do đó nên không luận.

Nay, giải thích chánh trí tức gồm thu trong đạo đế, cho nên không nói lại. Cung có thể chữ Đẳng (v/v) bao gồm chung Chánh trí.

Thắng Nhiếp ba, nghĩa là tên cây, tức xưa nói Giới Lâm là sai; là cây hồ Bá của xứ này. Đức Phật ngự ở rừng cây Hồ Bá để nói pháp, Ngài nhặt một chiếc lá để thí dụ. Như pháp mà Ta đã nói cho A-nan, nghe như một chiếc lá, pháp mà ta biết nhiều như lá cây trong rừng.

Thứ tư, trong giải thích về sự xa lìa hai bên, là nói tăng ích, tổn giảm: tăng ích là biến kế sở chấp; Tổn giảm là y tha, viên thành.

Thứ năm, trong giải thích về không thể nghĩ bàn, nói “hoặc dựa vào kiến, tư để bàn; hoặc không dựa vào kiến, tư để bàn v.v...”. Pháp sư Thái nói: “hoặc người khởi ngã kiến, thì dựa vào ngã kiến để bàn bạc về ngã. Hoặc tức khởi ngã kiến, lại không dựa vào ngã kiến để nghĩ bàn về cái ngã.”

Có chỗ giải thích: “hoặc người khởi ngã kiến, thì dựa vào ngã kiến để tư duy, bàn luận về ba thứ trước; hoặc người không khởi ngã kiến thì không dựa vào ngã kiến để nghĩ bàn về ba thứ trước “

Thứ sáu, trong giải thích về môn lý của ý thú. Pháp sư Thái, Pháp sư Khuy Cơ đồng nói: “Ý thú lấy Dục và Thắng giải làm thể. Vì Dục và Thắng giải của Phật nên khiến ý thức có sự thú hưởng, nên lấy dục và thắng giải làm ý thú, lược có mười sáu:

1. Thị hiện ý thú.
2. Khiến nhàm chán sinh, tử, gọi là trái lìa.
3. Đối với người chưa phát tâm, khuyến bảo, dìu dắt sao cho họ phát tâm là Giáo.
4. Dùng thứ giải thoát phần, nghĩa là khen ngợi, khuyến khích sao cho họ không lùi bước, là lợi.
5. Với người đã được quyết trạch phần, thì chúc mừng cho họ.
6. Giúp họ nhập kiến đạo.
7. Chánh thức nhập kiến đạo, dứt nghi.
8. Được quả học thành thực.

9. Được quả xong, khiến họ tu các định.
10. Giúp họ được quả Vô học.
11. Như ý nghĩ riêng của Nhiếp Đại thừa, vì khiến chúng nhập dần.
12. Giúp cho người chứng được đạo lý của nghĩa riêng, phát sinh ý thú vui mừng công đức.
13. Khiến người nghe được nghĩa riêng, đối với người giảng nói, sinh tâm tôn trọng.
14. Pháp giáo có công năng dẫn đường cho chúng sinh, gọi là pháp nhãn. Thường chuyển pháp giáo, gọi là pháp nhãn hằng chuyển.
15. Khuyên tu các điều thiện.
16. Nói giáo Đại thừa vô tướng,.

Dưới đây là thứ hai, giải thích ba môn trước, do ba môn sau nên tùy quyết định rõ ràng, trong đó, trước nói về môn lý chân nghĩa. Do xa lìa môn lý hai bên, nên tùy quyết đoán rõ ràng. Sau so với giáo đạo chứng đắc, do hai thứ sau.

Trong phần trước, đầu tiên là hỏi, kế là, giải thích, sau, là kết.

Trong giải thích, trước y cứ vào an lập nghĩa chân, phân tích lìa hai bên. Sau, y cứ vào phi an lập, nhằm nói về lìa hai bên.

Trong phần trước có hai:

- 1) Y cứ vào bốn đế, chính nói về lìa hai bên.
- 2) Nói rộng về nghĩa môn khác nhau của bốn đế,

Trong phần trước, nói “Vì đối trị bốn điên đảo, nên nói bốn niệm trụ, đó là tu thân niệm trụ, đối trị tịnh tăng, thọ niệm trụ, trị lạc tăng, Tâm niệm trụ, đối trị thường tăng và pháp niệm trụ, đối trị ngã tăng.

Bốn trí định: Ngài tam Tạng nói: “Trí tuệ tương ứng với bốn khổ hành phẩm hạ, gọi là trí quyết định. Dùng hạnh khổ đối trị đảo tịnh lạc; hạnh vô thường, trị đảo thường; không vô ngã, trị điên đảo ngã.

Nói vì sinh, nghĩa là lìa uẩn, pháp sinh có riêng “hoặc” ngã sinh.

Vì tướng, nghĩa là thể tướng, tướng trạng và nghiệp dụng v.v... của ngã, rất dễ hiểu.

Nói: “Sáu bất tịnh, như đức Thanh văn nói, nghĩa là: Ô uế bất tịnh, khổ não bất tịnh, hạ liệt bất tịnh; quán đái bất tịnh, phiền não bất tịnh và tốc hoại bất tịnh.

Chấp cho là không có tánh, để chứng tỏ là không có tánh. Chứng tỏ là không có tánh, nghĩa là đối với các đế, tâm chấp là không, miện nói là không.

“Thế nào là khổ đế” trở xuống, là thứ hai trong phần nói rộng về

nghĩa môn sai khác của bốn đế, trước, nói về tướng đế, sau y cứ vào đế, để nói về người.

Phần trước, nói tám tướng như ở trước: Đây là nêu chung, chỉ cho sự đoạn diệt không có dục v.v... trước.

Dưới đây là tùy theo vấn nạn, mà giải thích lại.

Nói phương tiện tư lương, đạo thanh tịnh, lược chung, gọi là đạo đế, nghĩa là đồng với Đối Pháp quyển tám nói.

Lại, đạo Phương tiện của các Bồ-tát, đều bằng nhau, nghĩa là do đạo tư lương đồng với hạnh Thanh Văn, nên không nói riêng.

“Lại nữa v.v... trở xuống, là thứ hai, y cứ vào đế để nói về người, trong đó chia làm ba:

1/ Nói dựa vào đế, lập ra sự khác nhau của con người.

2/ Nói về người có mười ba pháp như tạo tác v.v....

3/ Y cứ vào pháp để nói cú nghĩa sai khác về người.

Trong phần đầu, nói các đế làm y cứ, làm nương tựa, làm chỗ kiến lập ra mười ba người. Pháp sư Thái nói: “Y cứ vào khổ đế làm y cứ; tập đế làm nương tựa; Đạo đế làm kiến lập. Y cứ vào ba đế này lập ra mười ba người.”

Pháp sư Khuy Cơ lại cho rằng: Những lời chung này là y cứ, nương tựa để kiến lập, tức một vật, không cần phối hợp riêng, tức ba đế đều phải. Hoặc bốn đế do chứng đắc vô vi v.v..., mới kiến lập sự khác nhau.

Bồ-tát cõi Dục, Bồ-tát cõi Sắc không thể nghĩ bàn đức Như lai: Ở đây Bồ-tát không sinh cõi Vô Sắc. Thân Như lai hoàn toàn vô lậu. Vì ra khỏi ba cõi, mà ở tại ba cõi, nên gọi là không thể nghĩ bàn.

Kế là, nói về mười ba pháp như tạo tác v.v..., có mười đoạn. Bốn thứ trước, trong mười hai thứ như tạo tác, rất dễ hiểu.

Tạo tác của dòng vượt hơn, nghĩa là người xuất gia kia tu hành thẳng tấn, nhập Thánh đạo, nên việc ngăn ngừa, gìn giữ. Hoặc sinh, nghĩa là vì cầu sinh vượt hơn, cho nên tạo tác. Bạc Thánh là lìa dục, tạo tác. Tu tám giải thoát tạo tác. Rèn luyện căn tạo tác. Phát khởi vô lượng lợi tha tạo tác.

Nói mười một thứ chướng, tùy bất cứ một thứ chướng nào hiện ở trước, nghĩa là trong mười hai thứ chướng trước, sau, tùy một chướng hiện ở trước làm chướng ngại của chướng thứ sáu, lại không có tự thể riêng.

Nghiệp có hai: Tư và Tư xong. Nghĩa là ý nghiệp gọi là Tư, thân và ngữ gọi là Tư xong.

Nói sai khác trong đây, nghĩa là đến ý lạc, là tánh quả. Pháp sư Thái nói: “Tu thành tánh quả là căn. Khi tu chưa thành, nhân tánh là giới. Như thứ lớp, hiện hành, hạt giống, tín, giải và ý lạc, đều lấy dục, thắng giải làm tánh. Nhưng ngay từ lúc đầu khởi nhân, gọi là tín giải. Về sau, lúc khởi quả, gọi là dục lạc.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Hai thứ căn, giới, hoặc nhiễm, hoặc tịnh, tùy thích hợp thông dụng năm căn như tín v.v... và năm thọ căn, ý căn làm thể, chỉ hiện hành gọi là căn, hạt giống gọi là giới. Luận sư Đại nghĩa nói: “hoặc mới tu chưa mãn, gọi là giới là nghĩa tăng thượng, đã thành tựu viên mãn, gọi mỗi căn là nghĩa tăng thượng vì gọi là quả nên nói là nhân quả, mà thể không khác.”

Giải thích về ý lạc, như các luận, đều lấy hai pháp dục và Thắng giải làm thể. Hoặc nhiễm, hoặc tịnh đều đồng, cũng không khác nhau, chỉ có Tín giải này là nhân, ý lạc là quả, tức hạt giống gọi là tín giải, quả gọi là ý lạc. Đây chính là văn của các luận”. Đại nghĩa nói: “Tức khi mới khởi tín v.v..., gọi là tín giải, cho nên là nhân. Thời gian sau sinh khởi tín v.v..., gọi là ý lạc, cho nên là quả, chứ chẳng phải y cứ ở hạt giống v.v... để giải thích. Nghĩa này như thế.”

Tùy miên có hai: Có thể hại, chẳng thể hại, nghĩa là người có chủng tánh đã có tùy miên, gọi là có thể hại; người không có chủng tánh, gọi là không thể hại.

Sinh, đại khái có hai: Không có rảnh sinh và có rảnh sinh.

Hỏi: “Không có rảnh sinh với xứ tám nạn, rộng hẹp thế nào?” Ngài Tam Tạng nói: “Thân thọ tám nạn, không thể tu, khởi nhập phương tiện của bậc Thánh, đều gọi là không có rảnh sinh.”

Tập khí có hai: Tập khí Vô gián sinh và tập khí trước sanh. Pháp sư Cảnh, Bồ Khuyết: “Đời hiện tại huân tập tập khí của ba tánh, gọi là tập khí Vô gián sinh. Đời quá khứ hun đúc tập khí của ba tánh. Tam Tạng Pháp sư nói: “Hạt giống phiền não gọi là tập khí đời trước, dứt trừ hạt giống hoặc xong, tất cả loại khí, gọi là Vô gián sinh”.

Có chỗ giải thích: “Kế là thân trước đã sinh tập khí, gọi là Vô gián sinh. Thân thứ ba trở đi, gọi là tập khí sinh trước.”

Nhóm có ba thứ, cho đến phương tiện bất định. Bồ Khuyết: “Tà Định có hai:

1. Tà định bản tánh, nghĩa là người không có tánh Ba thừa, thành nghiệp Vô gián.

2. Tà định phương tiện, nghĩa là người có tánh Niết-bàn, gặp được ở địa vị phàm, duyên khởi nghiệp năm tội nghịch ở trong Ba thừa.

Chánh định cũng có hai:

1. Định Chánh tánh của bản tánh, thành tựu chủng tánh Nhất thừa.
2. Định chánh tánh của phương tiện, nghĩa là nhập Kiến đạo trở lên.

Bất định cũng có hai:

1. Bất định bản tánh: Người này ở phàm, thành tựu chung chủng tánh Ba thừa.
2. Bất tịnh phương tiện, nghĩa là gặp duyên, hoặc thực hành tà định; hoặc thực hành tạo chánh định. Trong chánh định, hoặc làm Thanh Văn, cho đến làm Phật.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tà định có hai: Bản tánh, và phương tiện:

- 1) Là người không có chủng tánh. 2) Là người cắt đứt gốc lành; đều có tánh, không có tánh”. Đại Nghĩa nói người: “Cắt đứt điều thiện, rồi nối tiếp trở lại, chưa chắc là nhóm tà kiến. Người gây ra nghiệp năm nghịch, quyết định là tà định”.

Luận sư Đại Nghĩa nói: “Định chánh tánh có hai: Bản tánh, và phương tiện. Ban đầu, tức bản hữu của Nhị Thừa đều có tánh quyết định riêng. Kế là, chính người này đã nhập Thánh đạo là phải”.

Luận sư Đại nghĩa nói: “Bất định cũng có hai thứ:

- 1) Bản tánh. 2) Phương tiện.

Người đầu tiên, là người vốn có chủng tánh của ba thừa. 1) Trong thân người có chủng tánh của ba thừa. 2) Phương tiện bất định, nghĩa là giải thích nhập Thánh đạo xong, nhưng vì bắt đầu nhập phương tiện hồi hướng Đại thừa v.v... nên mới không nhất định, gọi là phương tiện bất định.

Người trước là người lúc còn là phàm phu có chủng tử của ba thừa; hoặc tức hồi tâm, hoặc đều là người định, bất định, không nhất định địa vị kia. Kế là, định cũng thế. Một người tánh bất định này hoặc đủ hạt giống của ba thừa; hoặc chỉ có hai hạt giống ”

Có chỗ giải thích: “ Ba nhóm đều có pháp nhĩ mới huân tập hai hạt giống, gọi là bản tánh, phương tiện”.

Dưới đây, là nói về sự khác nhau của cú nghĩa.

“Lại nữa v.v... cho đến câu” như điều kiện thích hợp kia”, nghĩa là giải thích mười ba pháp ở trước xong, lẽ ra cũng dựa vào pháp đó để lập mười ba người. Về phần kết khuyến nên biết. Mười ba người đối với trong mười ba, tùy thích hợp “có” không có” nên nói rằng: như điều kiện(Đối tượng) thích hợp kia. Bốn trường hợp của hai lượt, nghĩa ấy

rất dễ hiểu.

Dưới đây, kế là thứ hai, trong y cứ phi an lập, nói về lìa hai biên, đầu tiên, là nêu chân thật phi an lập làm cảnh của Thánh trí, đây là Trung đạo. Kế là, nói về bên tăng ích:

Nói “Do ba nhân duyên là hoàn toàn không hợp lý v.v...”

1) Nếu danh ngôn có tánh nghĩa, nghĩa là như danh có nhiều nghĩa, lẽ ra thể cũng nhiều.

2) Nếu lìa nhiều danh ngôn dài, ngắn v.v... thì nghĩa dài, ngắn v.v... kia vì biết là bất sinh, nên nghĩa đã lấy nhất định chẳng phải có thật. Hai nhân này lấy danh bỏ nghĩa.

3) Nếu như nghĩa lấy danh, thì khi thấy sắc v.v... lẽ ra sinh biết danh. Vì sao? Vì đã giải thích danh nghĩa nương vào nhau mà chuyển, vì danh nghĩa tương xứng, thì khi biết nghĩa, nên biết danh. Một nhân này lấy nghĩa để bỏ danh, có thể dẫn văn Nhiếp Luận.

Dưới đây là thứ ba, hỏi đáp để phân biệt, trong đó có ba:

1) Hỏi: “Như trong mười sáu ý thú trước, nói nghĩa riêng tương ứng với ý thú, điều này có nghĩa gì nên hiểu rõ môn lý giáo đạo thứ ba chẳng?”

Đáp: “Chẳng phải như nghĩa ngôn giáo tương ứng với ý thú, chỉ là trừ bỏ nghĩa kém của như ngôn. Ngoài ra, Thắng nghĩa gọi là ý thú của nghĩa riêng, nên ý thú rất dễ hiểu rõ môn lý của giáo dất; có thể tạo ra văn này cũng là Nghĩa ngôn giáo dẫn đạo; có thể tạo ra văn này cũng là nghĩa ngôn giáo của thời gian riêng tương ứng với thú. Vì ý thay đổi nhau với nghĩa của thời gian riêng, nên gọi là ý thú của nghĩa riêng. Do thắng nghĩa khác dứt rừ ý nghĩa của thời gian riêng. để nói về giáo dẫn dất.

Trong đây tùy theo vấn nạn; vì giải thích khác nhau, cho nên mười lăm pháp còn lại, không phân biệt nữa.

Kế là, giải thích về môn ba lý ở trước; do ba môn sau nên tùy theo nghĩa quyết định rõ ràng, trong đó; 1) Nói về nghĩa chân quyết định rõ là căn bản; môn lý khác cũng tùy quyết định rõ. 2) Nói về môn lý của Nghĩa chân tùy quyết định rõ, nghĩa là có thể nhập năm thứ ly sinh. Luận sư Thái, Khuy Cơ cũng nói: “Phiền não của kiến đạo cũng như thức ăn qua đêm trong thân không tiêu hóa, mà người phương Tây hay gọi là thức ăn đêm là “sinh thực”. Sinh thực (Thức ăn sống) ở trong thân, thường hay gây nên tai họa chết, phiền não kiến đạo tồn tại, có thể tạo nên tai họa trầm trọng. Nếu dứt bỏ kiến hoặc như lìa sinh thực, nên là lìa sinh, tức xưa nói là “vượt lên ly sinh, chính là nhập kiến đạo”.

Người lìa sinh có năm hạng:

1. Là Sơ quả.
2. Là vượt qua Nhất Lai.
3. Là vượt qua Bất Hoàn.
4. Là Độc giác.
5. Là Bồ-tát.

Dưới đây, là nói về lý do kiến lập hai đế an lập, phi an lập, có ba lượt hỏi, đáp:

Hai ràng buộc của đạo lý trong hỏi, đáp từ đầu đã được cắt đứt ngay một lúc. Luận chủ y cứ ở nghĩa để nói dứt rừ trước, sau. Có Luận sư dùng nghĩa này để chứng minh cho Hậu trí của người Nhị thừa, tức chẳng phải đạo đoạn, vì có tướng, nên như trí gia hạnh v.v.... Hai giải thích của Duy thức mà không có lấy.

Trong hỏi, đáp thứ hai, gia hạnh có hai:

1. Gia hạnh xa, tức gọi là đạo tư lương.
2. Gia hạnh gần, tức gọi là đạo phương tiện.

Vì muốn cho hai đạo gia hạnh được thanh tịnh, dẫn phát đạo chánh đoạn, nên lại nói an lập.

Ý hỏi trong lượt hỏi, đáp thứ ba rằng “Nếu quán, giải của Tiểu thừa dứt trừ hai phược ở bốn đế thì se có lỗi gì? Lại nói là phi an lập ư?” Có hai nghĩa trong phần đáp:

1. Nếu có người chứng Bất hoàn một cách siêu việt, thì se dựa vào định thứ tư khi khởi Noãn v.v..., tạo nên mười sáu quán hạnh vì an lập đế, lẽ ra như Thánh đạo dứt trừ hai phược, rất thanh tịnh, nhưng đàng này thì không thừa nhận như thế, nên tâm có tướng không cắt đứt phược.

2. Nếu đạo có tướng kia có thể dứt trừ hai phược ấy, thì lẽ ra so với đạo xuất thế không có gì khác nhau, nhưng vì có sai khác, nên không hợp lý!

Trên đây, trong chính phần nói có năm đoạn. Bốn đoạn trước đã nói xong.

Dưới đây là đoạn thứ năm, về nghĩa của tạp Quyết Trạch Văn Tuệ Địa, có mười bốn trường hợp.

1. Nói về tính thô nặng không có khả năng. Nay, sự thô nặng ở đây không có tính kham năng, tức là nương gá nơi năm uẩn nối tiếp nhau. Về loại khí có năm tướng:

- a- Thân, tâm, nặng nề.
- b- Ngang bướng, không điều hòa nhu thuận.

- c- Chướng ngại cho việc thực hành điều thiện.
 - d- Khiếp nhược, yếu hèn, không có khả năng gánh vác công việc.
 - e- Không chuyển biến tùy theo điều mình mong muốn.
2. Nói về phương pháp nuôi lớn căn đại. Từ xưa việc nuôi lớn có bốn, thêm tránh xa Bất bình đẳng, là năm. Ở đây lược có hai:
- a- Nhậm trì trưởng dưỡng (gìn giữ sự nuôi lớn), tức là bốn cách ăn.
 - b- Không gây tổn hại sự nuôi lớn, tức là bốn thứ sau, nghĩa là mộng tránh khỏi bất bình đẳng, phạm hạnh, đẳng chí.
- Gìn giữ, nuôi lớn có bốn:
- a- Gìn giữ, biến hoại là đoạn thực.
 - b- Gìn giữ mừng, vui là xúc thực.
 - c- Hy vọng là tư thực.
 - c- Nhiếp thọ, chấp lấy là thức thực.
3. Nói về năm hành:
- a- Thân hành: Hơi thở ra vào.
 - b- Ngữ hành: Tâm, từ.
 - c- Ý hành: Tưởng, thọ v.v....
 - d- Nghiệp hành: Hành của thể nghiệp.
 - đ- Thọ hành: Do sức định bờ mé chuyển biến tuổi thọ làm cho dài ra, gọi là thọ hành. Hoặc nói rằng, tức thể của Mạng căn.
4. Nói năm thứ không buông lung.
5. Nói về Danh, Sắc, đều có năm thứ Danh. Năm thứ là: a/ Tâm; b/ Tâm sở. Hai thứ này phát ra thể; nghĩa của ba thứ sau là khác.
- Sắc có năm thứ:
- a- Các đại.
 - b- Đại chủng sở tạo, nghĩa là y cứ ở thể.
- Nghĩa của ba thứ sau, là khác.
6. Nói về phiên não, được chia làm ba: Trước nói về năm thứ ngu. Kế là, nói về năm thứ hữu ái. Pháp sư Khuy Cơ nói: “1/ Ái Pháp tánh, vào thời kỳ cuối kiếp, pháp nhĩ ái sinh lên cõi trên. Như pháp nhĩ v.v.... 2/ Ái thệ nguyện: mà chẳng phải ngoài này, thệ nguyện khác sinh lên cõi kia. 3/ Ái ngu si, tức ngoại đạo v.v... chấp cõi trên kia là Niết-bàn. 4/ Ái chán lìa, tức nhằm chán cõi dưới, ưa thích cõi trên. 5/ Ái tư duy, lựa chọn, nghĩa là bực thanh sinh vào con người thượng lưu của định tuệ kia.”

Luận sư Đại nghĩa nói: “Nay, nói “hữu ái” chưa chắc là “duyên”

hai cõi trên, chỉ “duyên” có thân bên trong là phải.

Ái Pháp tánh: Tức ái nhậm vận như thức thứ bảy chỉ ái Lại-da.

Ái thế nguyện, như phát phát nguyện là ta. Nguyện nhất định được như thế, như thế v.v....

Ái ngu si, tức vô minh thêm ái, hoặc sinh tử, cũng như ngoại đạo cầu sinh lên cõi trời v.v....

Ái nhàm lìa: như luận rằng: “Đối với pháp xấu, người thọ không có xấu hổ, tức bỏ đi pháp thọ giới không có sự xấu hổ, tức người xả giới ngày nay, chính là nhàm chán việc này, yêu thích việc kia.

Ái tư duy lựa chọn, nghĩa là như xét chọn rằng: “Người, trời là hơn ta, nên quyết định sinh lên cõi đó”. Lại, hạt giống của thế lực ái, dưới đây là nói do năm thứ lập ra vô tâm quý, trước, là nói về tướng mạo của Vô tâm quý, sau, làm rõ Tàm, quý, cũng có năm tướng.

Nói: “Ba người đối với pháp xấu, thọ không có xấu hổ. Pháp sư Thái nói: “Người này là đối với pháp xấu, thọ giới, không có hổ thẹn.

7/ Nói về người nói pháp xấu ác và tướng mạo của bạn ác. Trước nói về bạn ác, nói xấu ác. Sau chứng tỏ trái lại, bạn thiện, nói điều tốt lành.

8/ Nói về chỉ, quán: Pháp sư Thái nói: “Cùng tận tánh sở hữu, nghĩa là nhận xét tự tánh của tất cả pháp. Như tánh sở hữu, nghĩa là biết rõ sự khác nhau của các pháp.

Luận sư Chân Đế giải thích là trí như lý, trí như lượng, không thu-ận với bản phạm.

9/ Nói về ba lậu. Pháp sư Cảnh nói: “Dục, lậu có năm tướng “duyên” phiền não của năm dục ngoài cõi Dục, gọi là dục lậu. Năm tướng hữu lậu: Ba tướng đầu nói là “duyên” ba tướng trong, nghĩa là “duyên” thân ba hữu, sinh ra lậu, đều cùng gọi là hữu lậu, hữu lậu là nói chung. Luận Tiểu thừa vì y cứ ở lậu tăng, nên chỉ nói là “hoặc” của hai cõi trên, gọi là hữu lậu. Bốn tướng sinh không có dục lạc, có các phiền não: “Hoàn” là phiền não của diệu giới cõi giữa; sinh ra có dục lạc, có các phiền não: “Hoàn” là phiền não cõi kém. Đại khái do năm tướng lập ra tà giải thoát.

Dục vô minh lậu, nghĩa là Hữu tướng luận v.v... ” Luận này nói nhân năm luận trong tà kiến của kiếp cuối mà sinh ra vô minh, gọi là vô minh lậu, cũng có khắp cả ba cõi. Pháp sư Thái nói: “Nội Căn khắp ba cõi là ba lậu trước, chung cho năm dục là hai lậu sau. Cõi ác có thể sinh không có Dục lạc, có các phiền não. Người, trời sinh dục, lạc, có các phiền não”.

Pháp sư Khuy Cơ cho rằng: “Đại Nghĩa nói: “Hai cõi trên được gọi là không có dục lạc, phiền não, cõi Dục, gọi là có dục lạc. Phiền não. Vô minh lậu trong đây chỉ lấy sáu mươi hai kiến tương ứng với vô minh, chỉ ở cõi Dục. Vì sáu mươi kiến này gọi là che lấp giải thoát v.v.... Nên như quyển tám mươi chín lấy vô minh làm chính. Ở đây nói rằng vô minh thật ra, kiến cũng là vô minh, như quyển tám mươi chín nói. Nhưng trong đây, chỉ nêu kiến phân biệt của bờ mé sau, không nêu kiến của mé trước, bởi vì luận nói: “Nếu dục vô minh lậu, dục là nghĩa mong muốn, “duyên” ở bờ mé sau, khởi mong muốn vượt hơn, chứ chẳng phải “duyên” kiến của mé trước, nên không gọi là vô minh lậu, tức như quyển tám mươi chín nói.

10/ Nói về sự khác nhau của các pháp. Pháp sư Cảnh nói:

a/ Do tướng, nghĩa là mười tám giới đều có tướng trạng. Sở y (đối tượng nương tựa) là tướng căn, hành là tướng thức; sở trụ (đối tượng trụ) là tướng trần, cũng có thể sở y là nhân duyên của các pháp. Hành là hữu vi; trụ là vô vi.

b/ Do thể, nghĩa là các pháp nhân có thể của sắc, tâm v.v..., tức dựa vào tự tướng sai khác khác để nói về thể của pháp.

c/ Do nghiệp các pháp đều có nghiệp dụng, nghĩa là đều có tác dụng và tà hạnh, chánh hạnh đều có tác dụng trái nhau.

d/ Do pháp, tức là pháp của hai đế v.v... nhiệm tịnh.

đ/ Do nhân quả: Ba thời gian gần, xa là nhân, vì nghiệp riêng và ái, phi ái là quả. Pháp sư Thái nói: “Nói tướng, nghĩa là do sở y và vì hành, trụ, như nhãn thức vì do sở y, nên nhãn căn làm tướng và trụ tự phân biệt rõ, tức là tướng.

11/ Nói về ba thứ, ba luận.

Nói: “Thinh văn rất ráo luận”, nghĩa là các chú thuật ác: Rộng là lời chú, nghĩa không muốn cầu, chỉ được lắng nghe tức là rất ráo.

Tranh tụng rất ráo luận. Nghĩa là nhân minh của các ngoại đạo. Pháp sư Cảnh nói: “Không có ý ra khỏi, chỉ tìm kiếm lỗi sai.

Pháp sư Hiểu người Tân-la nói: Sự hưng khởi của Nhân minh vốn bắt đầu từ ngoại đạo về lý, thật sự chun cho nội, Luận chủ y cứ ở gốc là ngữ, nên nói là luận Nhân Minh của ngoại đạo. Luận sư Trần-na v.v... vì muốn hàng phục ngoại đạo, nên soạn luận Nhân minh, gọi là Nội luận. Nay, giải thích:

Nhân minh của nghĩa tà, gọi là nhân minh ngoại nhân minh của nghĩa chánh, vốn do Phật nói. Thật ra, vì tất cả luận ngoại đều có ra từ giáo.

12/ Nói về nghi thức soạn luận có bốn:

- a. Trước hết quy lễ hai sư. Đại sư của luận này, tức là Chư Phật. Sư mở rộng nghĩa, đó là các Bồ-tát.
- b. Đủ sáu nhân mới có thể soạn luận.
- c. Đủ bốn đức mới có thể soạn luận.
- d. Nói soạn luận, gọi là trang nghiêm kinh.

13/ Nói về bảy thứ thông đạt. Pháp sư Cảnh nói: “Lời chữ thông suốt: Thông suốt là thường, nghĩa là như nghĩa của âm, chữ suy A v.v... thường cố định, nên gọi là thường. Nghĩa cố định của khuôn ghép là nghĩa của chữ.

Nghĩa của chữ thông đạt: đạt là vô thường, nghĩa là đối với nghĩa thể của một pháp, vì nói bất định, nên gọi là vô thường. Lại, thấu rõ đối tượng giải thích không có tánh quyết định, vì không đồng với biến kế, nên gọi là vô thường.

“Nếu vậy, chữ không có tánh cố định, sao lại nói là thường? Do lý này nên không bằng giải thích trước. Thông đạt pháp tánh, nghĩa là chủ thể thông đạt. An trụ pháp tánh, nghĩa là quả của thông đạt này; an trụ pháp giới, đây là nhân thông đạt. Về lý nhân quả, có Phật, không Phật, vì lý ấy tất nhiên, nên gọi là pháp tánh. Pháp giới không đồng với pháp chân như thường trụ, nên gọi là pháp giới của pháp tánh.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Thông đạt nghĩa chữ, đạt là vô thường, tức chữ được nghĩa giải thích, có thể đổi thay tùy thuộc vào địa phương, nơi chốn, nghĩa tức tập nên gọi là vô thường. Như nhãn gọi là mắt, cũng gọi là soi rõ, dẫn đường v.v..., tức chữ sở nhân nghĩa là vô thường. Vì cho nên biết được chính danh, cú v.v... cũng là vô thường, vì chúng có thể được thay đổi. Lại, nghĩa vô thường của các hành nhân v.v... của chữ này, nên gọi là nghĩa của chữ là vô thường.”

14/- Nói do mười tướng, nên đầy đủ học rộng. Năm thứ trước là đức, năm thứ sau là đức nói.
